

DÂN CHỦ VÀ VĂN MINH - KHÁT VỌNG XUYỀN SUỐT THẾ KỶ XX VĂN CHƯƠNG VIỆT

Phong Lê*

Trên con đập lớn ngăn đôi thế kỷ XIX và thế kỷ XX-bờ bên kia là Nguyễn Đình Chiểu, Phan Đình Phùng...; bờ bên này là Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh...

Bờ bên kia là “Tấc đất ngọn rau ơn Chúa” (Nguyễn Đình Chiểu) và bờ bên này là “Dân là dân nước, nước là nước dân” (Phan Bội Châu).

Thế kỷ XX mở đầu là phong trào Duy tân do các nhà Nho chí sĩ khởi xướng và tiếp tục là công cuộc Đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Mở đầu là câu thơ “Nếu không dân cũng là không có gì” (*Hải ngoại huyết thư*); và tiếp tục là khẩu hiệu “Lấy dân làm gốc” (Đại hội VI của Đảng).

Mở đầu là bản văn *Văn minh tân học sách* và kết thúc là sự khởi động một nền Kinh tế trí thức trong bối cảnh một nền Văn minh trí tuệ.

*

* *

Lịch sử khéo sắp xếp cho thế kỷ XX trở thành thế kỷ đưa dân tộc Việt Nam bước vào một cuộc giao lưu mới với phương Tây. Năm 1896, thất bại của khởi nghĩa Phan Đình Phùng chấm dứt phong trào Cần Vương đã kết thúc thế kỷ XIX; và suốt thập niên mở đầu thế kỷ XX là sự sôi động của các phong trào Duy tân, Đông du và Đông Kinh nghĩa thực-làm gần bó

nhu cầu độc lập dân tộc với dân chủ, văn minh và tiến bộ xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam-đúng vào thập niên mở đầu thế kỷ XX (khi mà nền thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp sau 30 năm bình định, đang đi vào thiết lập sự ổn định về chính trị và xây dựng nền kinh tế, văn hóa thuộc địa) đã mở ra cho dân tộc Việt Nam một phương hướng phát triển mới theo mô hình phương Tây, mà tấm gương thành công của Nhật Bản đã gây nên sự khích lệ và niềm hy vọng. Lần đầu tiên các khẩu hiệu mở mang dân trí, chấn hưng dân khí, phát triển khoa học-công nghệ... đến với dân tộc Việt Nam qua lớp người đi đầu là tầng lớp trí thức Nho học. Cũng lần đầu tiên, *tư tưởng dân chủ* trở thành một sức hấp dẫn, một nhu cầu khẩn thiết của đời sống dân tộc, qua đó, khái niệm Dân được gắn với Nước (chứ không phải với Vua) và vai trò của Dân được nêu cao:

*Nghìn muôn ức triệu người chung góp
Xây dựng nên cơ nghiệp nước nhà
Người dân ta của dân ta
Dân là dân nước, nước là nước dân*
(Phan Bội Châu: *Hải ngoại huyết thư*)

Một lớp nhà Nho-những người đỗ đạt cao, và có học thức cao, số lớn ở vào lứa tuổi 30 đến 40, đã đứng ra lãnh đạo phong trào này. Họ chấp nhận mọi gian nan, vất vả (sau này rất nhiều người trong họ phải vào tù, có người ở tù hơn 10 năm, có người bị án tử hình) để bước vào một cuộc vận động cách mạng nhằm tổ chức Hội Duy tân và phong trào Đông du. Họ

* *Giáo sư - Tiến sĩ, Chủ tịch Hội Kiều học Việt Nam*

đi lại khắp các miền trong nước, và cũng lần đầu tiên đến nhiều vùng đất mới của thế giới; sang Nhật Bản, như Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền..., sang Pháp như Phan Văn Trường, Phan Chu Trinh ... Tất cả mọi hướng đi đều chỉ nhằm một mục tiêu: tìm hiểu cách thức cứu nước và canh tân đất nước. Từ các hoạt động này và nhằm vào mục tiêu này mà đời sống tinh thần và không khí xã hội Việt Nam chỉ sau mấy năm im ắng - những năm mà Toàn quyền Paul Doumer, trong một bức thư gửi về Bộ Thuộc địa ở Paris, đã có thể viết một cách đắc ý là những năm Đông Dương không nghe một tiếng súng, không một người lính Pháp nào chết vì trận mạc-bỗng chuyển hẳn sang một sắc diện mới.

*Buổi diễn thuyết người đông như hội
Kỳ bình văn khách tới như mưa*

Cái mới trở thành một đối tượng hấp dẫn, trong đối diện và đối lập với *cái cũ*. Và *cái cũ* là toàn bộ gương mặt cũ của đất nước-trong đó ở tiêu điểm của sự phê phán là gương mặt các *hủ nho*, tức là nhân vật đại diện cho giới trí thức cũ, tượng trưng cho thể chế chính trị cũ và nền văn hóa cũ. Bài thơ nổi tiếng một thời nơi đâu cũng thuộc, do vậy, là bài thơ *Cáo hủ lậu văn*.

Trở lại với những người lãnh đạo phong trào Duy tân, tất cả đều từ bỏ con đường làm quan cho triều đình phong kiến hoặc làm công chức cho chính quyền thực dân. Tất cả đều hướng vào các hoạt động xã hội nhằm cổ động cho nền văn hóa mới, mà tuyệt đối dứt khoát, không còn chút vương vấn với nền văn chương học thuật cũ. Họ đã viết nên cả một phong trào thơ văn thống thiết tình yêu nước yêu dân, đồng thời với khát vọng đưa đất nước lên một tầm phát triển mới về dân

trí, dân quyền, dân sinh... để không hổ thẹn với các anh em đồng chủng da vàng Châu Á như Nhật Bản. Gắn bó hai mục tiêu: *cứu nước* và *canh tân* đất nước, trong hoàn cảnh hoạt động công khai dưới sự kiểm soát của chính quyền thực dân, việc các nhà Nho - chí sĩ có thể làm là ra báo, mở trường học, biên soạn và phổ biến nội dung giáo khoa mới thay cho toàn bộ nền học thuật cũ; cổ động cho việc học chữ Quốc ngữ, để thay cho chữ Hán và chữ Nôm; sử dụng các thể loại văn học mới như văn xuôi, tiểu thuyết và cải cách các lối thơ cổ, quá gò bó, và khô héo trong cảm xúc và lệ luật... Nói tóm lại, thể hệ trí thức có công mở đầu làm nên cuộc canh tân văn học vào đầu thế kỷ là một đội ngũ được đào tạo trong nền học vấn cũ, là các đại diện ưu tú của nền văn hóa cũ; thế nhưng họ lại là người triệt để theo mới; mặc dù lớp người này rồi sẽ kết thúc vai trò lịch sử của họ vào những năm 1920, sau nhiều năm bị quản chế hoặc tù đầy.

Sau cuộc mở đầu sôi nổi suốt một thập niên này, nền văn hóa mới Việt Nam sẽ chuyển sang một giai đoạn phát triển và hoàn thiện rất nhanh gấp theo gia tốc lịch sử, từ sau 1930 cho đến 1945 - là năm diễn ra cuộc Cách mạng tháng Tám đưa đất nước thoát ra khỏi chế độ phong kiến hàng nghìn năm và ách ngoại xâm ngót 80 năm. Những năm 1930, một thế hệ Tây học, được đào tạo ở các trường học Pháp-Việt, có tuổi đời khoảng từ 20 đến 30, sẽ thay thế lớp nhà Nho cũ mà đảm nhiệm việc hoàn thiện cuộc cải cách nền văn hóa mới theo mô hình phương Tây ... Đánh dấu sự chuyển đổi mang tính cách mạng này trong văn học những năm 1930 là sự chiến thắng rực rỡ của phong trào Thơ mới với các kiện tướng như Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử...; là phong trào tiểu thuyết lãng mạn của nhóm Tự

lực văn đoàn và sự phát triển đa dạng của văn xuôi theo chủ nghĩa hiện thực như Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao... Trên lĩnh vực lý luận, phê bình, nghiên cứu văn học còn đang trên đường hình thành, vào những năm 1941-1945, cũng đã sớm xuất hiện những bộ sách có giá trị khoa học trong việc tổng kết diện mạo lịch sử văn học Việt Nam nói chung và nửa thế kỷ văn học hiện đại Việt Nam nói riêng của Đặng Thai Mai, Đào Duy Anh, Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh...

Dĩ nhiên điều không được phép quên là cùng với yêu cầu canh tân và hiện đại hóa đời sống văn hóa, tinh thần và các loại hình văn học, nghệ thuật-vốn là hệ quả của một cuộc giao lưu, vừa tự nguyện vừa bắt buộc, với thế giới phương Tây, cuộc sống còn đề lên hàng đầu yêu cầu đưa văn học-nghệ thuật vào con đường cứu nước; mà muốn thế, phải hướng văn chương vào đại chúng; biến văn chương thành vũ khí đấu tranh cách mạng. Có thể nói, đó là yêu cầu số một đặt ra cho dân tộc và trở thành một nhiệm vụ lớn xuyên suốt thế kỷ; nó len lỏi như một mạch ngầm trước 1945 với các đại diện ưu tú là Nguyễn Ái Quốc, Tố Hữu; và sau 1945 nó hiện diện trong cả một nền văn học lấy khẩu hiệu “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” làm một mục tiêu cao cả.

Một thế hệ người viết mới-thế hệ thứ ba, sống và viết trong hai cuộc chiến tranh kéo dài liên tục suốt 30 năm, từ 1945 đến 1975, kết hợp được cả hai tư cách công dân và nhà văn, trong tư thế vừa cầm súng vừa cầm bút, đã đóng vai trò chủ lực ở giai đoạn này. Họ hưởng những thành tựu đã được thiết lập vào nửa đầu thế kỷ, và triệt để đưa văn học tham gia trực tiếp vào cuộc chiến đấu của dân tộc. Hiện diện và phát triển trong hoàn cảnh chiến tranh cực kỳ khốc liệt mà sự sống và cái chết

gần như ít có khoảng cách, nền văn học trong suốt 30 năm lịch sử đó còn phải chịu sự quy định của bối cảnh và khí hậu thời đại. Những mối giao lưu văn học với thế giới bên ngoài vẫn được mở nhưng là trong khuôn khổ cuộc đối đầu giữa hai phe, hai ý thức hệ, hai con đường... Đất nước lại bị chia đôi trong hơn 20 năm; và ở mỗi miền Bắc và Nam, hướng giao lưu và tiếp nhận là khác nhau, và ngược nhau. Phải đến sau 1975, khi đất nước được thống nhất, và đặc biệt sau 1987, khi công cuộc Đổi mới được tiến hành ở Việt Nam thì những hoàn cảnh thuận cho sự phát triển văn học mới thật sự được mở rộng. Một thế hệ người viết mới-thế hệ thứ tư, rồi thứ năm xuất hiện khi các vấn đề của đời sống hòa bình, xây dựng và phát triển đất nước, trong đó có sự *phát triển của chính bản thân văn học-nghệ thuật*, lại tiếp tục được đặt ra như là sự gắn nối với các vấn đề đã từng được đặt ra vào nửa đầu thế kỷ.

*

* *

Đã sang năm 2016 của thế kỷ mới, và thiên niên kỷ mới; thế nhưng việc nhìn lại và tổng kết thế kỷ XX vẫn chưa bao giờ là câu chuyện cũ.

Thế kỷ nào trong lịch sử dân tộc Việt Nam cũng đều chứa đựng những biến động và bất ngờ. Nhưng quả chưa thấy thế kỷ nào lại diễn ra nhiều bất ngờ như thế kỷ XX. Bởi từ thế kỷ XIX trở về trước, đầu có trải bao dâu bể can qua, đất nước vẫn ở trong cùng một hệ hình tư duy, một phương thức sản xuất, một hình thái kinh tế-xã hội.

Trong tầm bao quát và xuyên suốt thế kỷ XX-đó là thế kỷ tự khu biệt để có một diện mạo riêng trước hai yêu cầu: *Dân chủ và Văn minh*, sau 10 thế kỷ độc lập tự chủ của dân tộc, bởi

sự song song và tiếp tục của nhiều quá trình, nhiều chuyển động lịch sử.

Những quá trình và những chuyển động mà tôi muốn tìm sự hiện thân, sự hóa thân trong một chữ *hóa*, một động từ *hóa*-nó là đặc trưng của thế kỷ XX, thế kỷ sôi động và đầy ắp những chuyển động theo gia tốc lớn của lịch sử.

Thực dân hóa, làm thay đổi hẳn gương mặt bình lặng và trì trệ của nghìn năm kinh tế lạc hậu, gắn với hai cuộc khai thác thuộc địa của chủ nghĩa thực dân phương Tây.

Hiện đại hóa đời sống văn hóa, tinh thần như một hệ quả vừa cưỡng chế, vừa tự nguyện trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, thời đại-nói theo K.Marx, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: “tất cả các dân tộc phải theo phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt”; thời đại “những nước nông dân phải phụ thuộc vào những nước tư sản, phương Đông phải phụ thuộc vào phương Tây”, làm thay đổi hẳn diện mạo của ngàn năm nền văn hóa phương Đông cổ truyền.

Cách mạng hóa với đỉnh cao Tháng Tám-1945 đưa dân tộc thoát khỏi chế độ phong kiến hàng nghìn năm, và ách chủ nghĩa thực dân ngót 80 năm.

Dân tộc hóa, Đại chúng hóa, Khoa học hóa nhằm xây dựng những nền móng cơ bản cho nền văn hóa mới sau 1945.

Kháng chiến hóa văn hóa và Văn hóa hóa kháng chiến nhằm đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi.

Hợp tác hóa, Công nghiệp hóa, Điện khí hóa... với những thử nghiệm đầu tiên trên con đường xây dựng đất nước nhằm thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu trong những năm 1960 và 1970.

Sau tất cả những tiến trình và chuyển động lịch sử như trên là *công cuộc đổi mới* đất nước từ nửa sau thập niên 1980, và hội nhập, từ sau 1995. *Đổi mới*-đó là sự tổng hợp tất cả những nhu cầu cơ bản và bức xúc của dân tộc, nhằm đưa dân tộc vào một chuyển đổi có tầm lịch sử mang tên *Toàn cầu hóa*; vào một thời đại có tên *Kỷ nguyên thông tin*, và một nền *Văn minh trí tuệ*.

Đối với dân tộc Việt Nam, trong những năm giao chuyển giữa hai thế kỷ và thiên niên kỷ, để có một hình dung đại thể về tương lai, theo tôi, không thể không làm một bản tổng kiểm kê quá khứ, dấu chỉ trong 100 năm - nhưng là 100 năm làm nên dồn dập các đổi thay, các bước ngoặt khiến cho sự hình dung về tương lai cho từng thời kỳ, thậm chí từng thập niên một đối với người trong cuộc thật không chút dễ dàng. Đặt dân tộc vào bối cảnh chung của thế giới, chúng ta càng dễ hiểu hơn về những bất ngờ mà chúng ta đã trải nghiệm. Thế giới của thế kỷ XX là thế giới trong cuộc *Cách mạng khoa học và kỹ thuật lần thứ ba* gắn với *Kỷ nguyên thông tin* khiến cho sự *Toàn cầu hóa* trở thành xu thế tất yếu, dấu muốn hoặc không, chi phối cuộc sống toàn nhân loại.

Trong thế giới đó, “những xác thực và tin chắc” đã chuyển sang “đại dương của những bấp bênh và ngờ vực” nói theo Ngài Federico Mayor, nguyên Tổng Giám đốc UNESCO. Trong thế giới đó, tương lai-“nó là sự bấp bênh, biến động và khôn lường”; tương lai là không thể dự kiến trước mà chỉ có thể chuẩn bị đón chờ nó, nói như nhà bác học Ilya Prigogine, giải Nobel về hóa học.

Ở nửa đầu thế kỷ XX, trên đất nước còn chìm sâu trong bóng đêm nô lệ của chế độ phong kiến-thuộc địa đã diễn ra một cuộc cách mạng dân tộc-dân chủ vĩ đại nhất trong lịch sử;

cũng đồng thời đã diễn ra công cuộc hiện đại hóa, vừa cưỡng ép, vừa tự nguyện đưa đến một gia tốc lịch sử thật nhanh gấp chỉ trên dưới ba mươi năm (1930-1945) làm thay đổi hẳn đời sống tinh thần, và diện mạo văn chương-học thuật dân tộc. Và vào thập niên cuối thế kỷ XX là công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng đã đưa dân tộc chủ động hội nhập vào nhân loại; một nhân loại trong xu thế toàn cầu hóa, vừa trên các tầm cao mới, lại vừa đứng trước các thách thức lớn-những thách thức đe dọa ngay chính sự tồn tại của nhân loại, như thử thách của khủng bố, của chiến tranh và các thảm họa của tự nhiên do chính con người gây ra. Nhưng, đúng như một luận đề của Mác: khi con người đã ý thức được về nó cũng là khi các phương cách giải quyết sẽ được đặt ra. Phương cách đó, nói theo ngài Federico Mayor: “Chỉ khi nào chúng ta tìm được phương cách đem lại cho hàng triệu triệu con người nhận nhận cái khả năng thực thi quyền *tự do tư tưởng* và *tự do ngôn luận*, thì lúc ấy chúng ta mới được chứng kiến cảnh những quyết định của kẻ mạnh phải khuất phục trước cái quyền lực

duy nhất được coi trọng: *quyền lực của nhân dân*”¹. Nếu ý tưởng này là đúng đắn, để nhân loại thoát khỏi các thách thức khổng lồ đang đè nặng, thì, đối với dân tộc ta, chúng ta có thể tìm thấy lời giải cơ bản cho nó-trong trí tuệ Hồ Chí Minh, phong cách Hồ Chí Minh, đạo đức Hồ Chí Minh, lối sống Hồ Chí Minh. Đó, như thực tiễn đã chứng tỏ, chính là ngọn nguồn sức mạnh, là điểm tựa tinh thần cho dân tộc vượt qua mọi thử thách.

Lịch sử đã khéo sắp xếp cho thế kỷ XX nhiệm vụ giải quyết triệt để yêu cầu Cách mạng hóa, nhằm giành lại quyền Dân chủ trọn vẹn cho nhân dân; đồng thời cũng đặt ra nhiệm vụ giải quyết yêu cầu Hiện đại hóa nhằm vào mục tiêu Văn minh để hướng dân tộc hội nhập một cách chủ động vào nhân loại, và từng bước thực hiện các mục tiêu công bằng, dân chủ, văn minh và tiến bộ xã hội./.

Ngày nhận bài: 28/2/2016

Ngày gửi phản biện: 27/6/2016

¹ Federico Mayor: *Một thế giới mới*; Nxb. Odile Jacob; Paris; 1999.